



PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 289, NĂM THỨ 21

THÁNG 8-2018



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com

Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphathoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

**BÌNH ANSON
CHÂN ĐẠI LƯỢNG
MINH HÒA
NHÂN CA
TÂM KHÔNG
TÂM TUỆ TĨNH
TUỆ VIÊN**

Cộng Tác:

**CHÍNH HẠNH
HÀN TRÚC
HỒNG DƯƠNG
MINH CHÁNH
MINH ĐỨC
TRẦN TRUNG ĐẠO**

Kỹ Thuật:

**MINH HÒA
NHÂN CA**

Mục Lục

<u>Tam Độc</u>	BBT	3
<u>Tâm Điểm của Thiền Định Chương 6</u>	Hoang Phong dịch	4
<u>Pháp Duyên Khởi</u>	Tỷ kheo Minh Huệ dịch	11
<u>Pháp Cú 341</u>	HT. Thích Minh Châu dịch	19
<u>Từ những vần Thơ đến câu Kệ</u>	Lê Khắc Thanh Hoài	20
<u>Hư Hư Lục: Chiếc áo kỳ diệu</u>	Thích Nữ Như Thủy	26
<u>KQ Thiền phái Tào Khê tại Hàn Quốc</u>	Thích Ngộ Trí Viên	27

Hình bìa

Hoa Sen

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài
đăng trong**

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoằng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập

Nguyệt San Phật Học

Tam Độc

Khi mới bước vào đường Đạo, ai cũng học về Thiện, Ác, Nhân, Quả, Luân Hồi ..., lúc đã hiểu được phần nào thì tập thực hành phần ấy. Nói thì dễ nhưng hành không phải dễ.

Để tinh tấn, để giữ cho tâm được thanh tịnh, người ta cần phải tránh Tam độc: Tham, Sân, Si. Cái tham thật khó tránh trong đời sống hàng ngày, người nghèo khó muốn có của cải để đủ ăn, đủ mặc, người khá giả muốn khá giả hơn. Đó đều là tham.

Nói chi người khác, ngay bản thân tôi thích cây viết đẹp, có khi trong túi tôi đã dắt cây bút Parker, vậy mà đi khám bác sĩ hay mua bảo hiểm, nơi đây người ta để những cây bút bi có in tên văn phòng bác sĩ hay hãng bảo hiểm, tôi cũng lấy một cây bút nghĩ rằng, họ quảng cáo, lấy cho họ vui.

Ra ngoài, nhất là những chỗ đậu xe, khi móc chìa khóa trong túi quần ra, một vài đồng xu vô tình rơi theo, khi thấy một xu nằm chơ vơ nơi chỗ đậu xe, tôi cũng nhặt nó bỏ vào túi.

Lấy thêm cây bút, nhặt đồng xu người ta đánh rơi, đều là do lòng THAM. Tôi nghĩ nên tập dẹp bỏ những cái tham nhỏ nhặt đó, vì từ những thứ nhỏ đó, nó sẽ sinh sôi lớn dần.

Cái Sân dẹp bỏ cũng khó, chỉ khi nào người ta chửi mình mà mình nhẫn được may ra mới bỏ được tánh Sân. Mình làm sai, làm bậy người ta chửi là phải chịu, để nhẫn, nhưng mình làm phải hay không làm mà bị chửi, nhẫn được mới là dẹp được cái Sân.

Còn về Si mê, có những cái xấu mà người ta ham thích như tứ đồ trường là đáng chê trách ai cũng muốn tránh, vì nó thường làm hư hại gia đình, nhưng có những thứ khác người ta đam ra mê thích cũng là si, chẳng hạn như có người lúc nào cũng sử dụng điện thoại thông minh để giải trí, ngồi bên máy vi tính để đọc bài, đọc tin, xem video. Đó cũng là si.

Tham, Sân, Si đều là không tốt nên trong giáo lý nhà Phật gọi là Tam Độc, người tu học cần phải tu tập để loại trừ. Không có tham, sân, si thì tâm luôn được an lạc, sự an lạc đem lại cho con người đời sống lành mạnh, sống thọ hơn người.

TÂM ĐIỂM CỦA THIỀN ĐỊNH

Khám phá tâm thức thần bí nhất

Đức ĐẠT-LAI LẠT-MA - Hoang Phong chuyển ngữ

Chương 7

Giáo huấn thứ nhất

DẪN NHẬP VỀ TÂM THỨC THẦN BÍ NHẤT

Nội dung những lời giảng dạy trong bài thơ của Patrul Rinpoché xoay quanh ba giáo huấn (*three instructions/ba sự luyện tập dựa vào ba cấp bậc giáo huấn*) nhằm vạch trần tâm thức thần bí nhất, và đó cũng là cốt lõi của phép luyện tập Đại hoàn thiện. Mục đích chủ yếu của ba giáo huấn này là để giúp người hành thiền đặt tâm thức mình vào đúng tâm điểm của hiện thực để vận cổ - nếu có thể nói như thế - các thứ sai lầm tai hại. Sau đây chúng ta hãy bắt đầu với giáo huấn (*những lời chỉ dẫn hay giảng dạy*) thứ nhất:

Sự quán thấy mang tính các bao quát và đa chiều (multidimensional),

Được nêu lên trong những lời giảng dạy của ba giáo huấn là:

Trước hết hãy để cho tâm thức nghỉ ngơi, Thoát khỏi mọi sự phóng tướng (emission), thoái lui (retrait/withdrawal/ tránh né, khép kín, tìm cách không suy nghĩ) và mọi sinh hoạt khái niệm khác (các sự tưởng tượng, phán đoán... mang tính cách quy ước và công thức).

Đang trong lúc nghỉ ngơi nhờ lắng sâu vào thể dạng hoàn hảo của thiền định đó,

*Thì hãy bắt thần thét lên một tiếng thật lớn, thật sâu và cực ngắn: **Phat!***

Tương tự như một tiếng sét, đánh thẳng vào tri thức. Ồ! Thật lạ lùng! (nguyên bản là chữ Emahó, là tiếng Tây Tạng, có nghĩa là một sự kinh ngạc, sững sốt, một cách thốt lên sự ngạc nhiên trước một sự khám phá bất ngờ và tuyệt vời"nào đó. Trong trường hợp trên đây chữ Emahó mang ý nghĩa khá tương tự với chữ Eureka"trong tiếng Hy Lạp. Chữ Emahó thường được dịch sang tiếng Anh là "Amazing" và tiếng Pháp là Émerveillement).

[Hóa ra] Chẳng có một thứ gì cả, thật hết sức kinh hoàng! (sững sờ, choáng váng, hoảng hốt, kỳ lạ)!

Quả là một sự kinh hoàng, một sự xuyên thấu (percée/breakthrough/đâm thủng, đột phá) không có gì ngăn chặn được nó! Hãy xác định ngay tâm thức thần bí nhất ấy của Dharmakaya (Thân Đạo Pháp).

Thực thể đó, hãy nhận biết được nó từ bên trong chính mình - đây là giáo huấn thứ nhất.

*(sau khi tạo được tình trạng nghỉ ngơi cho tâm thức thì bắt thần thét lên một tiếng thật mạnh: **Phat!** Tức khắc ngay sau tiếng thét đó người hành thiền chợt cảm thấy chẳng có gì cả - chỉ là một sự trống không. Sự cảm nhận đó khiến mình vừa choáng váng vừa kinh ngạc: Emahó! - trong một số các bản*

dịch sang các ngôn ngữ Tây Phương chữ này còn được dịch là: Thật lạ kỳ!, Ô hô!)

Tôi (*tức là Đức Đạt-lai Lạt-ma*) sẽ cố gắng bình giải ngắn gọn ý nghĩa của các câu thơ trên đây.

HÃY CỨ NGHĨ NGOI

Khi còn vướng mắc trong sự tạo tác triền miên của khái niệm, chẳng hạn như suy nghĩ về cái đúng, cái sai, v.v. , thì các bạn sẽ không thể nào bước vào con đường tu tập về sự quán thấy tâm thức thần bí nhất qua thể dạng hiển hiện tự nhiên của nó. Thí dụ sau đây có thể giải thích điều đó: chẳng hạn như giữa một đám thật đông người thì sẽ hết sức khó cho các bạn để nhận diện một người nào đó (*mà mình chưa có dịp biết từ trước*), thế nhưng nếu các bạn đã từng biết mặt người ấy trước đây và người này đã trở thành quen thuộc với mình, thì nhất định các bạn sẽ nhận diện được người này dễ dàng hơn dù là người ấy đang trà trộn trong một đám đông. Tương tự như vậy, mặc dù tâm thức thần bí nhất luôn thấm đượm trong từng khoảnh khắc của tri thức, kể cả trong từng tư duy, thế nhưng chúng ta không thể nào có thể nhận biết được nó qua thể dạng trần trụi của nó nếu chưa từng biết nó từ trước (*trong nguyên bản là: khi nó chưa từng được giới thiệu"với mình*), chẳng qua vì nó bị thu nhỏ và che khuất bởi đủ mọi thứ tư duy khái niệm [hiện lên trong tâm thức mình]. Thế nhưng một khi đã biết được nó một lần rồi thì mình sẽ nhận diện ra nó dễ dàng hơn, kể cả giữa vô số các tư duy đủ loại.

Những gì trên đây cho thấy chẳng cần phải biến cải (*trong nguyên bản là chữ adjust/*

điều chỉnh) bất cứ thứ gì trong tâm thức mình, nhất là bằng các quá trình phân tích mang tính cách khái niệm (*tìm cách này hay cách khác để cải thiện tâm thức mình dựa vào các tiêu chuẩn quy ước và công thức*), mà chỉ cần giữ nguyên thể dạng tự nhiên của tất cả những gì hiện lên trong tâm thức các bạn, phản ánh từ các hiện tượng đa dạng trong thế giới - từ con người, nhà cửa, núi non, công ăn việc làm, bạn hữu, các vấn đề khó khăn, hay bất cứ một thứ gì khác (*cứ để yên tâm thức với tất cả những gì hiện lên bên trong nó, không cần phải phân biệt, chọn lựa hay loại bỏ gì cả*). Không nên dính dấp vào các thứ ấy, có nghĩa là không nên để mình bị ô nhiễm bởi các thứ tư duy mang tính cách phân biệt (*xác định, đánh giá, phán đoán...*) đại loại như: "Phải là như thế này. Như thế kia là sai". Theo lời khuyên của tác giả bài thơ trên đây thì đây là thể dạng hiển hiện giản dị của tri thức đơn sơ, và người hành thiền cũng chỉ cần duy trì được thể dạng ấy. Vậy các bạn hãy khởi sự để yên cho tâm thức nghỉ ngơi trong một thể dạng thật êm ả, không nên để cho vô số tư duy mặc tình khuấy động [tâm thức mình] (*xin lưu ý đây cũng là căn bản chung và sơ khởi nhất trong việc hành thiền trước khi có thể tạo ra các thể dạng sâu xa hơn*).

HÃY LÀM CHO TƯ DUY DỪNG LẠI TRONG MỘT KHOẢNH KHẮC NÀO ĐÓ

Tâm thức thần bí nhất sinh ra một cách tự nhiên và hiện hữu một cách tự nhiên bên trong con người các bạn. Nó đang ở đó một cách tự nhiên, không cần phải tạo ra nó trước đó, cũng không cần phải tái tạo nó hay tạo dựng ra nó dựa vào các yếu tố bên ngoài (*superficial/hời hợt, nông cạn*). Nó thuộc

thành phần của trí tuệ nguyên sinh, tức là dòng chảy (flux, flow) tự nhiên của tri thức trên dòng luân lưu (continuum) nguyên sinh và căn bản [của sự sống], không mang tính cách tạo dựng (elaboration) nào cả. Nếu muốn cho tâm thức thần bí nhất hiện lên ngay từ lúc này và tồn tại như là một thứ gì đó thật hiển nhiên bên trong [tâm thức] các bạn, thì các bạn không nên tạo ra thêm cho mình các thứ khái niệm nông cạn (*hời hợt, mang tính cách quy ước*). Không nên để phát sinh ra thêm các tư duy mới, ngay cả đối với trường hợp khi các bạn cảm thấy các khái niệm (*các sự phán đoán, suy xét, tác ý...*) đang hiện lên thì cũng cứ mặc chúng, không nên nghĩ đến là phải loại bỏ chúng. Cứ để cho chúng tự tan biến. Đây là những gì mà bài thơ trên đây có ý nêu lên, đó là phải "thoát khỏi các sự phóng tưởng, thoát lui (*rút lại, tìm cách không suy nghĩ*) và mọi sinh hoạt khái niệm khác". Hãy cố gắng giữ sự trong sáng, hoàn toàn hòa nhập vào dòng chảy mang tính cách tự phát (spontaneous) thật tự nhiên của thể dạng phi-tư-duy. Hãy buông bỏ hoàn toàn và tức khắc bất cứ một hình thức tư duy khái niệm nào (*xin nhắc lại, tư duy khái niệm là những sự suy nghĩ công thức và quy ước, dựa vào các kinh nghiệm cá nhân và sự học hỏi tức là sự hiểu biết thường tình*).

Hãy nêu lên thí dụ sau đây, trong một đám đông cùng đi chung với nhau, bỗng dưng có hai người dừng lại, các người khác vẫn tiếp tục đi, thì đây không có nghĩa là tất cả đều dừng lại (*đám đông người đang đi biểu trưng cho tư duy đang chuyển động trong tâm thức, nếu chỉ có vài tư duy dừng lại thì không thể nói là tâm thức dừng lại*). Thế nhưng nếu tất cả mọi người đều dừng lại, thì

đây mới [thật sự] là sự dừng lại (*điều đó có nghĩa là trong khi hành thiền nếu muốn cho tâm thức dừng lại thì phải dừng lại đồng loạt và toàn bộ: từ tư duy, xúc cảm, sự tưởng tượng, các cảm nhận, trong đó kể cả sự cố gắng "dừng lại". Thể dạng đó là một sự hghi ngại "toàn diện, trước khi làm một cái gì khác. Xin lưu ý "dừng lại" ở đây không có nghĩa là tìm cách "hạn đứng" các tư duy mà chỉ để những gì trong tâm thức hiện lên một cách tự nhiên mà không quan tâm đến chúng, cũng không tham gia vào các tác động do chúng gây ra, như đã được nói đến trên đây*).

THỂ DẠNG BỊ CHẤN ĐỘNG

Dầu sao nếu chỉ biết tập trung tâm thức và không để nó bị phân tán thì cũng chưa đủ (*có nghĩa là nếu chỉ biết chú tâm thật mạnh tạo ra sự tỉnh thức "hay tỉnh giác" awareness, mindfulness - còn được gọi bằng một thuật ngữ rất mơ hồ và tối nghĩa là "hánh niệm" - thì cũng chưa đủ, bởi vì còn phải thêm vào đó một cái gì khác nữa để có thể mang lại sự giác ngộ cho mình. Phật giáo Tây Tạng rất chính xác và cụ thể là như vậy*). Kể cả trường hợp dù cảm nhận được niềm phúc hạnh (*felicity/niềm hân hoan, các cảm nhận thanh thoát hay thoát tục*), sự trong sáng và thể dạng phi-tư-duy lóe lên với mình trong lúc hành thiền, thì đây cũng chỉ là những gì chen thêm vào sự phát hiện ra tâm thức thần bí nhất được sinh ra một cách tự nhiên (*có nghĩa là đã có sẵn, không phải là nhờ hành thiền mà tạo ra nó*), và cả sự nhận diện ra nó (*sự phát hiện ra tâm thức thần bí nhất có thể tạo ra các cảm nhận phúc hạnh, sự trong sáng cho mình, thế nhưng không nên quan*

tâm đến những thứ ấy vì đây chỉ là những gì phụ thuộc chen vào sự phát hiện ra tâm thức thần bí nhất mà thôi). Vì thế các bạn phải loại bỏ các cảm nhận phúc hạnh, sự trong sáng và cả thể dạng phi-tư-duy (hiện lên trong lúc hành thiền. Thể dạng phi-tư-duy chỉ là một sự tê liệt, không phải là sự sáng suốt), đó là những gì cần phải vượt thoát.

Vậy trong lúc nghỉ ngơi đó, tức không còn thêm khát cũng không bị ô nhiễm bởi các sự sinh hoạt (suy nghĩ, tưởng tượng...) cũng nhắc mang tính cách khái niệm (sở dĩ gọi là "cùng nhắc" là vì khái niệm cũng chỉ là những gì quy ước và công thức), thì bất thần các bạn thét lên một tiếng **Phat**, khi phát âm chữ t thì uốn đầu lưỡi ngược về phía sau răng và chạm vào nóc vòm. Âm thanh phát ra phải thật mạnh, cô đọng và ngắn, nhằm gạt bỏ tức khắc mọi chuyển động của tư duy, chẳng hạn như: "Đúng thế !" hay "Chính là thế này hay chính là thế kia". Âm thanh cực ngắn của tiếng **Phat** cũng tương tự như là một tiếng sét, đánh thẳng vào tư duy khái niệm khiến nó tan biến và văng ra khỏi tri thức mình (xin lưu ý chữ **Phat** không phải là tiếng Việt, trong tất cả các bản dịch sang các ngôn ngữ Tây Phương đều viết như thế: không có dấu sắc. Với người Việt thì khác với người miền Bắc, dường như người miền Nam và Trung thường phát âm chữ "phát" như là "phác" và vì phát âm với chữ "ê" sau cùng nên hơi khó uốn đầu lưỡi ngược vào phía sau răng và chạm vào nóc vòm. Do đó thiền nghĩ độc giả nên cố gắng tìm cách phát âm với chữ "t" sau cùng để dễ uốn lưỡi như hướng dẫn. Âm thanh phát ra phải thật mạnh, thật ngắn và bất thần. Cách phát âm uốn lưỡi về phía sau chính là để giữ cho âm thanh không thoát ra ngoài cửa miệng hầu

tạo ra âm hưởng vang ngược lên não bộ và đỉnh đầu). Phép thiền định trên đây được tóm lược như sau:

Trước hết hãy để cho tâm thức các bạn nghỉ ngơi,

Thoát khỏi mọi sự phóng tưởng, thoái lui (tránh né, khép kín) và mọi sinh hoạt khái niệm khác.

Đang trong lúc nghỉ ngơi nhờ lắng sâu vào thể dạng hoàn hảo của thiền định đó, Thì hãy bất thần thét lên một tiếng thật lớn, thật sâu và cực ngắn: **Phat!**,

Tương tự như một tiếng sét, đánh thẳng vào tri thức. Ô! Thật lạ lùng!

Chẳng có một thứ gì cả! Thật hết sức kinh hoàng!

Các tư duy cũ (có từ trước) phải dừng lại, các tư duy mới chưa kịp phát sinh. Điều đó cũng tương tự như một con tàu lướt nhanh xé nước làm đôi, tạo một khoảng trống hai bên mạn tàu và cả một vệt nước phía sau (mặt nước chưa kịp khép lại).

Ngay vào lúc các bạn thét lên tiếng **Phat!**, và giữa lúc mà các bạn chưa kịp tạo ra một khái niệm [mới nào] như mình vẫn thường làm trước đây - hoặc nói một cách khác là khi các bạn chưa kịp tiếp tục suy nghĩ trở lại về các tư duy trước đây của mình - và trước khi có thể tạo ra các khái niệm mới (các sự suy nghĩ mới), thì giữa hai thời điểm đó (tức là khoảnh khắc thời gian thật ngắn còn trống không chưa có tư duy nào hiện ra) và trong khi các bạn chưa kịp tạo ra bất cứ một sự phân biệt mang tính cách khái niệm nào, thì sẽ xảy ra một sự kinh hoàng (một sự kinh ngạc trước một sự khám phá lạ lùng) trong sáng, minh bạch, một sự nhận thức thật tinh

khuyết (*chưa kịp vương mắc vào bất cứ một tư duy mang tính cách khái niệm nào cả*).

Với nhiệt tình và sự tin tưởng nơi những lời giáo huấn thật cụ thể trên đây, các bạn hãy cố gắng đặt tâm thức mình vào đúng khoảnh khắc mà các tư duy vừa bắt thần bị loại bỏ, và tạo ra cho mình một sự kinh ngạc (*Ồ! Thật lạ lùng*) mà mình không thể so sánh với bất cứ một thứ gì khác. Tất cả những gì choàng lên (*phủ lên, khoác lên*) cho tư duy (*tức là các khái niệm, các sự tưởng tượng, phân biệt,...*) đều bị gỡ bỏ, và các bạn sẽ cảm thấy hết sức kinh hoàng, sững sốt và choáng váng.

Sự kinh ngạc trên đây có thể biểu lộ bằng nhiều cách khác nhau: chẳng hạn như hai mắt nhắm nghiền không còn suy nghĩ gì được nữa (*lặng người, hệt hẫng*), hoặc rơi vào một thể dạng phi-tư-duy, hoặc tâm thức thoát khỏi mọi sự ô nhiễm (*tức các tư duy khái niệm*), không quá buông lỏng, cũng không quá căng thẳng. Trong khoảnh khắc quyết định (critical, decisive) đó, mọi sự phát ra (emission) hay rút lại (retrait/withdrawal) các khái niệm đều bị tắc nghẽn, khiến mình cảm thấy hốt hoảng, không thể nhận định được bất cứ một thứ gì cả.

Sự chấn động đó (choc/shock) bắt thần làm ngưng lại mọi sinh hoạt tâm thần, chẳng hạn như bất chợt nghe thấy tiếng chó sủa ngay bên cạnh mình, khiến mình giật bắn người, trong lúc đang sợ hãi đó mình sẽ không suy nghĩ gì được cả. Các cách luyện tập trên đây (*chú tâm vào các khoảnh khắc chưa kịp suy nghĩ, chẳng hạn như thét lên một tiếng hay nghe thấy tiếng chó sủa bên cạnh, hoặc bất cứ một biến cố bất thần nào khiến mình*

chưa kịp suy nghĩ) sẽ giúp mình thoát ra khỏi sự sinh sôi và quản lý của tư duy, giam hãm mình giữa sự phát sinh dồn dập và ngẫu nhiên của hàng loạt các khái niệm mới. Dầu sao thì thể dạng tri thức trên đây (*các khoảnh khắc phi-tư-duy*) cũng không phải là tình trạng hôn mê, mà đúng hơn là một thể dạng minh mẫn và trong sáng.

Kinh sách khuyên chúng ta nên ý thức được thật hiển nhiên thể dạng khi mà tâm thức thường tình (thông thường) mất hết cường độ và trở nên yếu kém, và cả các sự hiểu biết khái niệm cũng không thể hiện lên được, chẳng qua là vì lúc đó là thời điểm thuận lợi hơn cả giúp tâm thức thần bí nhất có thể hiện lên với tất cả sự trần trụi của nó. Nhà du-già Tây Tạng nổi tiếng Mangro Lhundrub Gyatso (*một học giả uyên bác thuộc học phái Sakyapa, 1523-1596 - gcts*) dựa vào các dẫn chứng trong rất nhiều kinh sách đã khẳng định rằng:

Dòng tiếp nối/continuum của ánh sáng trong suốt của tâm thức thần bí nhất luôn ở thể dạng luân lưu không gián đoạn

(dòng luân lưu sâu kín của tri thức luân lưu từ những thời gian không khởi thủy cho đến vô tận, không bao giờ chấm dứt. Sự sinh và cái chết chi phối bởi các sự ô nhiễm chỉ là những gì tạm thời "tiếp nối nhau hiện lên trên dòng luân lưu đó của mỗi cá thể. Tình khiết hóa các sự ô nhiễm" ấy chính là con đường Phật giáo. Dòng tri thức tình khiết của một vị Phật sau khi tịch diệt, sẽ hòa nhập vào dòng luân lưu (continuum) vô-tận và phi-thời-gian đó của vũ trụ)

[Chính vì thế] nên khoảng trống nằm ở giữa

hai tư duy sẽ là cơ hội giúp các bạn trong một khoảnh khắc nào đó có thể nhận biết được dễ dàng tâm thức thần bí nhất.

Sự kinh hoàng (*amazing, lạ lùng, kỳ lạ, sững sờ*) đó không nhất thiết chỉ phản ánh sự kinh ngạc (stupefaction) của mình mà còn cho thấy một sự xuyên thấu (*nhận biết, quán thấy, trong nguyên bản là chữ "học thủng"/percée/breakthrough*) không có gì ngăn chận được nó. Đây cũng là ý nghĩa trong câu thơ của Patrul Rinpoché: "Thật kinh hoàng, quả là một sự xuyên thấu không có gì ngăn chận được nó!" (*bất thần quán thấy một cái gì đó vô cùng sâu sắc và thần bí, khiến mình phải kinh ngạc, nói lên một sự giải thoát "hoàn toàn, không còn một chút vướng mắc hay ô nhiễm nào nữa cả*).

Bản chất đích thật của tâm thức thần bí nhất chỉ có thể nhận biết được bằng các kinh nghiệm cảm nhận trực tiếp của mình mà thôi, bởi vì bản chất đó không thể nào mô tả được bằng chữ nghĩa. Chính vì thế mà tác giả [bài thơ] trên đây cho biết đây là "Một sự xuyên thấu không thể ngăn chận được, và cũng không thể mô tả được". Sự cảm nhận đó được gọi là "tâm thức thần bí nhất của Dharmakaya/Thân Đạo Pháp", thế nhưng thật ra thì đây cũng chỉ là một cách gọi lên một thứ gì đó thật cực đoan không thể giải bày được, tương tự như tất cả các thứ cực đoan khác, dù là dưới hình thức hiện-hữu hay phi-hiện-hữu (*hữu hình hay vô hình, hoặc chỉ là một sự tưởng tượng*) cũng vậy. Tâm thức thần bí nhất chỉ có thể nhận biết được xuyên qua các kinh nghiệm cảm nhận của mình mà thôi.

Nếu không nhận biết được nó thì thật hết sức khó để tin vào quan điểm của Đại hoàn

thiền về thiền định. Trong lúc thực thi phép thiền định này các bạn phải duy trì được sự cảm nhận của mình về tâm thức thần bí nhất, và đây cũng là cách cho thấy người hành thiền [trực tiếp] an trú ngay từ bên trong kinh nghiệm cảm nhận về đối tượng [của việc hành thiền], nhưng tuyệt nhiên không phải là một cách thiền định "hướng vào" một đối tượng nào khác cả (*câu này vô cùng quan trọng: thiền định theo phép Đại hoàn thiện là nhắm thẳng vào sự giác ngộ "tức là quả" hay là thể dạng tâm thức thần bí nhất; nói một cách khác là hướng thẳng vào thể dạng của một vị Phật hay Dharmakaya/Thân Đạo Pháp và an trú "trong đó. Phép thiền định đó không cần phải hướng vào "bất cứ một phương tiện thiện xảo" nào cả với hy vọng các phương tiện này sẽ mang lại sự giác ngộ" cho mình. Nói một cách vắn tắt là an trú trong đối tượng của việc hành thiền và trở thành chính đối tượng ấy*).

Hơn nữa theo cách giải thích nêu lên trong các trước tác của Dodrupchen (*còn gọi là Kyabje Dodrupchen Rinpoché, sinh năm 1927, một vị đại sư thuộc học phái Nyinmapa/Ninh-mã, thuộc truyền thống Dzogchen/Đại hoàn thiện*) thì khi nào đạt được sự nhận thức về tất cả mọi hiện tượng cũng chỉ là một trò biểu hiện (un jeu, a play), một sự rung động (vibration) hay sôi sục (*effervescence/một sự sôi động, một tình trạng ồn ào*) của tâm thức thần bí nhất mang tính cách tự nhiên và tự tại, thì khi đó mình cũng sẽ nhận thấy thật dễ dàng chẳng có một hiện tượng nào hiện hữu tự nơi nó, bởi chính nó, một cách độc lập cả. Các hiện tượng chỉ được tạo dựng bởi sự sinh hoạt [tâm thần] mang tính cách khái niệm (*thế giới hiện tượng chỉ vốn vẹn là những gì hiển hiện từ*

sự vận hành của tâm thức thần bí nhất bên trong chính mình). Khi nào nhận biết được tâm thức thần bí nhất - còn được gọi là "sự thật tối hậu" - trong đó tất cả mọi hiện tượng liên quan đến samsara/ta-bà và nirvana/niết-bàn chỉ là các hình thức phát xạ (irradiation) [của tâm thức thần bí nhất] thì khi đó mình sẽ quán nhận được tất cả mọi hiện tượng tinh khiết và cả không tinh khiết - các thuật ngữ này được vay mượn trong kinh sách triết học [Phật giáo] - đồng loạt chỉ [đơn giản] hiện hữu bằng tên gọi mà thôi. Tất cả các đối tượng của sự hiểu biết, dưới các hình thức hiển hiện và sinh sôi nảy nở, cũng chỉ là những gì ngẫu biến và phụ thuộc (*adventices/sinh ra từ những gì đã có*), nhất thiết không mang một thực thể nào cả. Các thứ ấy ngay từ lúc khởi thủy không hề được tạo dựng bởi quyền năng của chính chúng, thế nhưng [trước mắt mình] chúng lại có vẻ như mang một bản chất độc lập (*autonomous/tự lập, tự chủ*) thuộc sở hữu riêng của chúng, khiến chúng ta nghĩ rằng chúng hiện hữu bởi chính chúng. Những gì trên đây cho thấy rõ ràng sự lầm lẫn đó thúc đẩy chúng ta hành động, tốt cũng có mà xấu cũng có, và đây là cách mà chúng ta tích lũy các xu hướng (*predispositions/tức là nghiệp*) đưa đẩy mình ngày càng lún sâu trong sự hiện hữu chu kỳ (*cõi luân hồi*).

Nếu muốn nhận biết được tâm thức thần bí nhất và duy trì nó đúng như khi nó hiện lên trong khi hành thiền thì thật hết sức quan trọng là trước hết phải tự hỏi xem nền tảng hiển hiện của tâm thức là gì, nó sinh ra từ đâu và chấm dứt ở đâu. Thật ra có nhiều quá trình phân tích (*tìm hiểu và giải thích*) khác nhau, nêu lên trong các kinh sách quan trọng và đã đưa đến các sự diễn đạt khác nhau,

dầu sao tất cả cũng đáng để tìm hiểu (*Đức Đạt-lai Lạt-ma hiểu biết rất nhiều nhưng không thể nói ra hết, câu trên đây chỉ là một cách gợi ý về sự hiểu biết đó của Ngài, và cách giải thích của Ngài không phải là duy nhất*).

Nếu các bạn có thể làm cho mọi hiện tượng hiện lên với mình đơn giản dưới hình thức một sự rung động (*vibration/sự chuyển động, rung cảm*) của tâm thức thần bí nhất, đồng thời vẫn không tách ra ngoài bầu không gian đó của tâm thức, thì các bạn sẽ không còn bị chi phối bởi tác động của các khái niệm quy ước nữa. Khi nào nhận biết được thực thể căn bản của chính mình và trực tiếp thấu triệt được (*cảm nhận được*) sự tiếp nối liên tục và sâu xa nhất (*definitive/căn bản, chủ yếu, quyết định và cuối cùng nhất*) của nó, qua sự bình lặng (*còn gọi là sự tĩnh lặng hay buông xả*) tạo ra bởi thiền định, thì dù phải bốn ba trong thế giới, các bạn tất sẽ phải đạt được sự giác ngộ (*éveil/awakening, tức là thể dạng của một vị Phật và cũng có nghĩa là trở thành Phật*).

(hết chương 7)

Bures-Sur-Yvette, 16.02.18
Hoang Phong chuyển ngữ

Pháp Duyên Khởi

Paticcasamuppāda

Nguyên tác: Đại Trưởng Lão Mahāsi Sayadaw

Viết Dịch: Tỳ kheo Minh Huệ (1999)

Mục Lục

Lời giới thiệu
Dẫn nhập

[01]

Tầm quan trọng của giáo pháp
 Phương pháp tỉnh giác của Bồ tát
 Tùy thuận quán
 Vượt ngoài lý luận và suy đoán
 Pháp dành cho những người có trí
 Khó lãnh hội
 Thế nào là vô minh?
 Vô minh về nguồn gốc của khổ
 Vô minh về diệt đế và đạo đế
 Chánh kiến

[02]

Vô minh duyên Hành
 Bất thiện nghiệp
 Sự chối bỏ thiện nghiệp đồng nghĩa ác
 nghiệp
 Vô minh và ảo tưởng
 Hành duyên Thức
 Hành dẫn đến thức mới như thế nào
 Thường kiến và đoạn kiến
 Những cảnh tượng lúc lâm chung
 Tích chuyện về thiện nam
 Mahādharmika

[03]

Thức và Danh sắc

Hóa sanh

Thấp sanh

Các tâm lộ

Lộ tâm ý môn

Lộ tâm nối tiếp

Thức duyên danh sắc

Trưởng lão Cakkhupāla

Lời phán quyết của một vị trưởng lão

Tâm thanh tịnh và sự an lạc

[04]

Danh sắc duyên Lục nhập

Sắc và xứ

Kết luận

[05]

Đức Phật đề cao pháp hành

Tính chất thâm sâu của giáo pháp

[06]

Mối liên hệ giữa ý môn và thức

Tóm tắt

Thọ dẫn đến ái

Sáu loại ái

Ái dục và luân hồi

Sự chấm dứt ái dục

Tích trưởng lão Mahātissa

Chuyện chim kết

Quán và đoạn trừ

Đoạn diệt ở gốc rễ

Phiền não và sự thất niệm

Tư tưởng và sự cảm xúc
Ba loại ái

[09]

[07]

Ái dẫn đến thủ
Những cơ sở của dục lạc
Kiến thủ
Những quan điểm đúng
Nhìn thấy thế giới bên kia
Ba-la-mật và nghiệp
Giới cấm thủ
Chuyện Korakhattiya
Những lỗi thực hành khác thuộc giới cấm
thủ

Thiền Minh sát và thủ
Luân hồi và ba thời
Năm nhân quá khứ
Sự khác biệt giữa hành và nghiệp hữu
Quả hiện tại do nhân quá khứ
Kiến thức và pháp hành Minh sát
Đoạn trừ các nhân hiện tại
Cách nhìn của vị A-la-hán về đời sống
Không phải sự đoạn diệt mà là sự chấm
dứt đau khổ
Chuyện Tỳ khuru Yamaka
Câu khẳng định của Tỳ-khuru-ni Vajirā về
bản chất của năm uẩn

[08]

Thủ dẫn đến hữu
Câu chuyện Mandaka
Thủ và nghiệp hữu
Bốn sanh Puppharatta
Thiện nghiệp và phi thiện nghiệp
Nghiệp và tái sinh
Bốn loại nghiệp
Chuyện vua A-xà-thế
Thường nghiệp và cận tử nghiệp
Sự sanh và khổ
Sầu khổ và ta thán
Chuyện Subrahmadeva
Dục thủ có nghĩa tất cả những loại ái dục
mãnh liệt
Kiến thủ và nguyên nhân của sự tái sinh
Mê tín và ác sinh
Cuồng tín
Giới cấm thủ
Ngã ngữ thủ
Chuyện ông Ugga

[10]

Bốn nhóm, ba móc nối và hai mươi yếu tố
Ba luân hồi
Bốn phương diện của giáo lý duyên khởi
Quan niệm sai lầm của Sàti
Đặc tính riêng của mỗi pháp
Không có sự cố gắng
Sự liên quan giữa nhân và quả
Đoạn diệt phiền não luân hồi
A-la-hán và những đức tính cao quý của
đức Phật
Câu chuyện về Phạm thiên Paka
Chánh biến tri
Danh tiếng của đức Phật
Tứ diệu đế tóm lược
Chánh biến tri và đạo quả Phật
Tổng kết.

Lời giới thiệu

Đại đức Minh Huệ có gửi tặng tôi bản thảo
quyển kinh "Pháp Duyên Khởi" do Đại đức

phiên dịch từ bản tiếng Anh của Aye Maung, được biên soạn và diễn giải từ ngài Mahàsi Sayadaw, một bậc Đại Trưởng lão Tăng già xứ Miến Điện, với lời đề nghị tôi hoan hỉ viết lời giới thiệu về quyển kinh qua sự phiên dịch của Đại đức, để chư tôn Đức Tăng Ni và chư quý Phật tử xa gần xem đọc và tham cứu.

Nhận lấy quyển kinh, tôi thật ngần ngại trước lời đề nghị của Đại đức và cũng khó từ chối vì thiện nghĩ: điều gì mình chưa làm được cho Đạo Pháp mà pháp hữu làm được và cậy nhờ mình hỗ trợ, thì tại sao lại không sách tấn khích lệ pháp hữu nhiệt tâm phụng sự cho sự nghiệp hoằng dương Phật pháp... Nơi đây, điều mà tôi rất ngần ngại đây là tựa đề và nội dung của quyển kinh "Pháp Duyên Khởi". Mặc dù, trước đây tôi từng được học, được xem và nghiên cứu qua kinh điển, qua bao dịch phẩm của các soạn giả, nhưng căn cơ đi đôi cùng với sự hiểu biết về pháp môn này vẫn còn hạn hữu, mà lời giới thiệu cần cần trọng trong sự hiểu biết.

"Pháp Duyên khởi" còn được gọi là "Lý duyên khởi" hay "Pháp tùy thuộc phát sinh" hoặc "Pháp nhân quả liên quan" và người ta thường gọi chung là "Thập nhị nhân duyên". Đây là Pháp do chính chư Phật Chánh đẳng chánh giác chứng ngộ chứng đạt và khai thị tuyên thuyết minh hiển... đến nhân thiên hữu duyên với đạo mâu giải thoát. Trải qua hơn hai ngàn năm lịch sử truyền bá đạo Phật, các bậc cao Tăng thạc đức thánh phàm đã y giáo phụng hành chánh pháp và tùy vào trình độ uyên thâm pháp môn cao quý này, các ngài đã và đang tiếp nối nhau làm nhiệm vụ "tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự" quảng bá giáo lý duyên khởi đến người hữu duyên tâm đạo

và học đạo bằng những phương tiện có được như thuyết giảng, biên soạn, dịch thuật...và ngài Mahàsi Sayadaw là một trong những bậc cao Tăng thạc đức ấy. Bên cạnh đó, với nhịp độ tiến hóa của nhân loại mỗi lúc mỗi cao rộng trên bình diện tư tưởng và nhận thức về nhân sinh quan và vũ trụ quan trong cuộc sống, tất cả đã minh chứng và khẳng định được giáo lý đạo Phật là thực thể và thực dụng cho nếp sống con người trên cả hai mặt vật chất lẫn tinh thần, nhất là góp phần đem lại sự bình yên cho đời sống tâm linh con người đối trước quy luật biến thiên của giòng đời, mà pháp môn Duyên khởi là điển hình.

Trung thành với thánh điển Nguyên thủy đã được chư Phật giảng giải về pháp môn Duyên khởi, các bậc thuyết giảng, biên soạn và dịch thuật... đã tùy theo trình độ căn cơ của người học Phật hoặc tham cứu, mà trình bày có thấp có cao, có đơn giản có chi tiết hoặc dẫn chứng tình tiết cụ thể nhằm giúp người xem học liễu ngộ giáo lý thâm diệu này. Mong rằng mỗi chúng ta được nhân duyên xem đọc quyển kinh Pháp duyên khởi, sẽ lãnh hội được ít nhiều đạo mâu giải thoát của chư Phật và đây cũng là điều mong ước hoan hỉ nơi dịch giả.

Trong niềm hoan hỉ, tôi xin trân trọng giới thiệu dịch phẩm này đến quý vị

Pháp quang Tỳ, ngày 5.12.1999
Tỳ kheo Minh Giác

--oOo--

Dẫn Nhập

Namo Buddhaya.
Namo Dhammaya.
Namo Sanghaya.

Xin thành kính tán dương Đức Phật toàn tri.
Xin thành kính tán dương Giáo Pháp vi diệu.
Xin thành kính tán dương Chúng Tăng trọn lành.

Thưa quý vị,

Một bản chú giải mà khiến người đọc càng lúng túng thì đó không phải là chú giải. Ở đây, tập sách giảng giải về pháp Duyên Khởi của Ngài Mahàsi Sayadaw quả thật dễ hiểu, rõ ràng, với nhiều ví dụ cụ thể. Tôi hy vọng rằng độc giả có thể dễ dàng lãnh hội.

Đây là bài pháp rất cao siêu, có khả năng đánh tan mọi tà kiến, giúp người tu Phật đặt niềm tin vững chắc vào cứu cánh -- Niết bàn giải thoát.

Suốt hai chục năm xuất gia cầu đạo, tôi hiểu rất mơ hồ về pháp này. Nhưng nhờ lời giảng giải bình dân và dễ hiểu của Thiền sư uyên bác Mahàsi sayadaw, tôi đã lĩnh hội được rất nhiều. Vì vậy tôi đã mạo muội dịch quyển sách này. Do đó, tôi dám nói rằng quý vị nào đọc và hiểu bài pháp này thì xem như đã học pháp được hai chục năm, nếu đọc một ngàn lần thì trí tuệ cũng tăng lên ngàn lần.

Chúc quý vị mau chóng lãnh hội được pháp duyên khởi này. Có một đoạn kinh trong bộ Diệu Pháp Liên Hoa của Bắc Tạng nói rằng: Có một đứa con được cha mẹ để lại viên ngọc quý trong lai áo mà cứ mãi đi lang

thang từ nhà này sang nhà nọ để xin ăn. Cuối cùng, một người có trí đã chỉ cho thấy viên ngọc ấy. Viên ngọc là pháp duyên khởi, bậc trí tuệ là Trưởng lão Mahàsi sayadaw, và dĩ nhiên, Đức Phật là chủ nhân đầu tiên của viên ngọc.

Xin thành kính tri ân Trưởng lão Mahàsi Sayadaw, một bậc thầy có tâm từ bi rộng lớn trong thế hệ của chúng ta. Xin tri ân Đại đức Tăng Định đã tạo điều kiện giúp đỡ cho dịch phẩm được hoàn thành một cách tốt đẹp.

Dịch giả xin chân thành ghi nhận công đức:

Gia đình ông Vương văn Phát (Canada)
Gia đình bà Diệu Đài
Gia đình cô Bằng
Gia đình ông Huỳnh văn Sang (Germany)
Gia đình cô Mỹ lệ
Gia đình cô Nga (Tứ Quang)

Cùng chư Phật tử xa gần đã hùn phước cho dịch phẩm này được xuất bản.

Nguyện cầu phước báu phát sinh trong công tác phiên dịch này thấu đến tất cả chư thiên và nhân loại. Cầu mong cho tất cả chúng sanh sớm chấm dứt sinh tử luân hồi.

Mong thay!

Tỳ khuru Minh Huệ

-ooOoo-

Thoát Khỏi Khổ Đau Qua Trục Nhận Duyên Khởi

His Holiness Dalai Lama
Thích Minh Chánh chuyển ngữ

Vấn đề chủ yếu trong tác phẩm Trung Quán Luận của Long Thọ là tánh không. Ý nghĩa cốt lõi của tánh không như chúng ta đã biết là tánh không trong điều kiện duyên khởi. Trong các kệ tụng vi diệu, Long Thọ tỏ lòng kính trọng đức Phật như một vị thánh diễn giải các pháp thoại về duyên khởi với năng lực siêu nhiên. Vì vậy, Long Thọ ca ngợi đức Phật là một vị đạo sư vô song. Theo đạo Phật, nền tảng giáo lý duyên khởi là điều rất quan trọng.

Trong kinh Duyên Khởi, đức Phật tuyên bố rằng *nếu ai thấy được bản chất của duyên khởi, thì thấy được Phật, Pháp, Tăng*. Chúng ta có thể hiểu lời tuyên bố này là bất cứ người nào thấy rõ bản chất của duyên khởi, thì lãnh ngộ được bản chất của Pháp trên nhiều cấp độ khác nhau. Ví dụ, khi hiểu được cốt lõi của duyên khởi trong điều kiện nhân quả, thì có nghĩa chúng ta hiểu được bản chất của pháp theo điều kiện thuyết nhân quả. Trên cơ sở này, chúng ta có thể thiết lập một nền tảng vững chắc cho lối sống có quy luật đạo đức hợp lý và quan điểm đúng đắn về thuyết nghiệp báo này được xem là một cấp độ nhìn nhận đích thực về Pháp.

Tuy nhiên, khi hiểu được ý nghĩa của thuyết duyên khởi ở cấp độ cao hơn, nơi chúng ta thấy rõ sự phụ thuộc không chỉ là điều kiện nhân quả mà còn thấy sự phụ thuộc ở cách các pháp, rốt cuộc, bắt nguồn

từ mối quan hệ phức tạp, rắc rối của tương tác qua lại giữa nhân hiệu và tên gọi v.v, thì cấp độ hiểu biết về triết thuyết duyên khởi này trực tiếp cho chúng ta một sự thấu hiểu tánh không. Nhờ vậy, nhận thức về bản chất của Pháp được đặt trong một cấp độ sâu sắc hơn nhiều.

Như Lai có nghĩa là “người đến như vậy” (hoặc người đến từ Chân như). Trạng thái Phật quả, nếu được hiểu là một trạng thái nơi mà tất cả các khái niệm diễn đạt và tất cả hình thức nhị nguyên đã được chuyển hóa thành trạng thái thanh tịnh, trạng thái hạnh phúc và an vui hoàn toàn, thì chúng ta có thể nói rằng Phật quả là trạng thái đến như vậy từ trong Pháp thân[1]. Theo quan điểm này, Như Lai có thể được hiểu là Pháp thân, thân chân thật, thân Phật thực tại. Nếu chúng ta cho rằng Như Lai có nghĩa “đến” hơn là “đi”, thì Như Lai được hiểu là Báo thân[2] và Hóa thân[3] hoặc sắc thân, thân vật lý hoặc biểu hiện thân xuất phát từ Pháp thân. Do đó, Như Lai hoặc Phật quả được hiểu theo hai phạm trù là Pháp thân và Sắc thân (Báo thân và Hóa thân).

Nói một cách tổng quát, nguyên lý duyên khởi là nền tảng cơ bản cho tất cả các trường phái Phật giáo. Tuy nhiên, nếu chúng ta hiểu nguyên lý duyên khởi với mức độ tinh tế dựa trên tánh không, thì đó là nền tảng cơ bản của các trường phái thuộc tư tưởng trung đạo, Trung Quán tông. Ở đây, một số các bạn có lẽ quen thuộc khi tôi đã

giới thiệu những lời dạy của đức Phật tuyên bố rằng theo quan điểm triết học, nguyên lý duyên khởi là kim chỉ nam của Phật giáo và sự thực tập bất bạo động là tư cách đạo đức của người theo đạo Phật.

Nhân tố căn bản đối với việc áp dụng cách cư xử hoặc cách tương tác với người khác là không phải bởi vì các Phật tử cho rằng việc tham dự vào hành động nguy hại mà chúng ta đi ngược lại với chí nguyện của đức Phật. Nguyên nhân là bởi vì các pháp (mọi thứ) đều phụ thuộc lẫn nhau, chúng tồn tại là nhờ vào kết quả của nguyên nhân và điều kiện. Vì khát vọng cơ bản của con người là tìm kiếm hạnh phúc và tránh xa khổ đau, nên chúng ta luôn xa lánh các nguyên nhân và điều kiện dẫn tới khổ đau. Chúng ta luôn chấp nhận các nguyên nhân và điều kiện đưa đến hạnh phúc. Vì vậy, rốt cuộc, nguyên lý duyên khởi cung cấp nhân tố căn bản cho việc thực tập theo Phật giáo về bất bạo động hoặc vô hại.

Việc chúc phúc hoặc truyền thừa hợp pháp được thể hiện hôm nay là của Văn Thù Sư Lợi bởi vì Văn Thù Sư Lợi được xem là hiện thân trí tuệ giác ngộ của chư Phật. Bằng cách thực tập theo nghi thức và tiếp nhận hạnh phúc, nó có thể làm tăng trưởng tiềm năng của chúng ta trong việc phát huy tuệ giác về tánh không và duyên khởi. Tôi sẽ bắt đầu nghi thức truyền trao bằng cách hướng dẫn nghi lễ để phát khởi tâm giác ngộ. Điều này sẽ giúp chúng ta củng cố, khẳng định lại cam kết của mình đối với tư cách Phật tử về bất bạo động, vô hại và vị tha.

Tôi nghĩ nó có thể trở nên vô cùng hữu ích nếu tôi đưa ra bàn bạc các giới luật của cư sĩ, các giới luật của người phật tử.

Tất nhiên, có nhiều giới luật khác nhau. Các giới luật hoàn hảo liên quan tới việc kiềm chế sát sanh, trộm cướp, tuyên bố sai việc thực hành tâm linh, tránh xa các chất độc hại và quan hệ tình dục bất chính.

Hôm qua, chúng ta đã có cuộc thảo luận về ba khía cạnh rèn luyện cao hơn. Sự rèn luyện cao trong giới luật phần lớn được đặt mục đích vào việc kiềm chế sự quá mức của động thái tiêu cực. Sự rèn luyện cao trong thiền định được nhắm vào việc tránh xa các điều kiện nội tại về thái độ tiêu cực như các vọng tưởng v.v Những sự rèn luyện cao hơn trong trí tuệ sẽ loại trừ các tâm vọng tưởng. Khi chúng ta nói về sự rèn luyện cao hơn trong trí tuệ, hình thức chủ yếu của nó là trí tuệ nhận thức tánh không, loại hianhf trí tuệ cũng có thể bao hàm tuệ tri về bản chất vô thường của thực tại hoặc tuệ giác về bản ngã rỗng không. Những sự rèn luyện cao hơn trong trí tuệ là điều trực tiếp phá tan các vọng tưởng. Nó là giải pháp đích thực.

Chúng ta có thể dùng ví dụ đầu đạn tên lửa để nói về trí tuệ. Đầu nổ của tên lửa thực sự là giống với trí tuệ. Tên lửa là thiền định, là công cụ thúc đẩy phát huy trí tuệ. Khi phóng ra, nó cần phải rất chắc chắn, tương tự như giới luật, nguyên tắc đạo đức hợp lý. Giới luật là kim chỉ nam, là nền tảng cơ bản.

Mỗi quan tâm thực tiễn mà chúng ta phải bắt đầu thể hiện là giới luật. Đây là bước đi đầu tiên. Trên cơ bản của nguyên tắc đạo đức lành mạnh, chúng ta có thể dựa vào thiền định, sự rèn luyện thứ yếu cao hơn. Mặc dù phát huy và nuôi dưỡng trí tuệ thực sự không phụ thuộc vào định tâm kiên cố, nhưng để trí tuệ trở nên hoàn hảo và phát

triển thành giải pháp hữu hiệu đối với các vọng tưởng, thì chúng ta phải cần đến định tâm kiên cố. Thông qua sự phối hợp của thiền định và trí tuệ, chúng ta có thể đạt được thiền minh sát[4] hoặc tuệ giác thâm diệu. Điều này cho phép người thực tập hoàn toàn chú tâm qua năng lực của thiền định.

Mặc dù chúng ta quy y Phật, Pháp và Tăng, được gọi là ba ngôi Tam Bảo, nhưng đối tượng chủ chốt để nương tựa là Pháp, phương thức chấm dứt khổ đau. Bởi vì việc chấm dứt khổ đau thực sự là Pháp, là phương thức chấm dứt tất cả các ác nghiệp, nên bằng cách chủ yếu nương tựa vào Pháp, chúng ta ước nguyện hoặc hy vọng rằng ít nhất bằng cách thực tập theo đời sống có đạo đức giới luật, chúng ta chắc chắn dần thân vào con đường diệt trừ tất cả các nghiệp ác và tịnh hóa thân, miệng và ý của mình.

Giới luật được đức Phật chế ra là năm giới mà tôi đã trình bày ở trên. Chúng ta nên xem đức Phật là một vị thầy thực sự, một bậc thầy vĩ đại. Ban đầu, trong quá khứ, Ngài vốn cũng như chúng ta, một chúng sanh bình thường mang tất cả nhược điểm của con người. Tuy nhiên, trải qua quá trình dần dần rèn luyện và tịnh hóa tâm mình mà Ngài đã trở thành bậc giác ngộ hoàn toàn. Chúng ta quy phục với tâm thành kính để xem bậc giác ngộ như mẫu mực lý tưởng của mình và nguyện theo dấu chân Ngài.

Không như hai ngày qua, chúng ta đã tham dự vào các pháp thoại, hôm nay là một tuyên ngôn hết sức chân thành. Các bạn hãy nên kính cẩn chấp tay lắng nghe tôi, người đang trao truyền giới luật cho các bạn. Kệ tụng thực chất sẽ được thể hiện dựa trên hình thức tiếng Phạn.

Buddham	saranam	gacchami
Dharmam	saranam	gacchami
Sangham saranam gacchami		

Nghĩa là:

*Con đem hết lòng thành kính quy y Phật
Con đem hết lòng thành kính quy Pháp
Con đem hết lòng thành kính quy y Tăng*

Trong thời điểm này, chúng ta nên nhiệt thành cam kết đối với bất cứ điều gì mình đang thể hiện. Những kẻ quá hung hăng có thể chỉ phát nguyện giữ một giới *tôi sẽ không bao giờ giết người*. Như vậy, ít nhất các bạn không vướng vào lao lý! Khi nói về giới không sát sanh, mặc dù chủ yếu đề cập đến việc không giết người, nhưng các bạn cũng nên tránh xa sự giết hại động vật. Vì thế, để có được tri giác bản hữu “*bất cứ lúc nào thấy các chúng sanh khác cũng đều xem như bản thân chúng ta vậy*” là điều rất quan trọng đối với người thực tập theo Phật giáo.

Chúng ta nên phát nguyện nhiệt thành “*nhu tất cả các bậc thầy vĩ đại trong quá khứ: A-la-hán, Bồ-tát v.v đã thường xuyên an trú trong đời sống đạo đức mô phạm và tuân thủ tất cả các giới luật, như vậy, con sẽ vâng giữ các giới luật và nguyện trọn đời không vi phạm*” (lập lại 3 lần). Chúng ta nên phát triển tri giác bền vững về chí nguyện trong tâm mình đối với các giới mà mình đã lãnh thọ. Điều quan trọng là từ ngày hôm nay trở đi, phải luôn luôn tâm niệm rằng chúng ta trở thành Phật tử, cư sĩ Phật giáo ngay bây giờ. Nếu con muỗi đang cắn mình, phản ứng lập tức của chúng ta nên đừng giết nó mà hãy tự nhắc nhở mình là Phật tử nên xua đuổi nó đi thay vì đập nó chết.

Điều quan trọng là nuôi dưỡng chánh niệm và tỉnh thức. Mặc dù trong đời sống thông thường hằng ngày, chúng ta vẫn áp dụng cấp độ chánh niệm và quán chiếu nội tại, nhưng khi đã thực tập theo Phật pháp, chúng ta càng nhiệt huyết và chuyên tâm ứng dụng chánh niệm và quán chiếu nội tại. Theo cách này, khi chuyên tâm phát triển các tính năng của mình hơn, chúng ta đạt được một đỉnh điểm nơi mình có thể luôn duy trì sự tập trung chú ý mãnh liệt vào một đối tượng đã chọn lựa. Do đó, ngay lập tức, nếu tâm trở nên xao lãng hoặc loạn động, chúng ta tức thời nhận biết sự xao lãng đang diễn ra. Muốn có được điều đó, cách duy nhất chỉ việc phát triển hai tính năng là chánh niệm và tỉnh thức, điều mà chúng ta có thể chứng đạt định tâm cao độ.

Khi đã nuôi dưỡng tính năng của định tâm bất dịch, chúng ta sẽ đạt tới một điểm nơi mà năng lực của tâm và sự chú ý trở nên mãnh liệt đến mức chúng ta có thể hoàn toàn tập trung nhận thức vào một đối tượng duy nhất. Chúng ta có khả năng thâm nhập tuyệt đối vào bản chất của đối tượng được lựa chọn. Khi đạt được tâm định tĩnh và thâm nhập vào sự hiểu biết về tánh không, thì chúng ta có thể đạt tới những gì được biết như là sự hợp nhất của tồn tại tĩnh lặng và tuệ giác thâm diệu.

Nói chung, việc chứng đạt tâm định tĩnh cũng như sự hợp nhất của tồn tại tĩnh lặng vĩnh cửu và tuệ giác thâm diệu là không phải một cái gì đó duy nhất của Phật giáo. Nó là một phương tiện phổ biến và được thực tập trong nhiều truyền thống tôn giáo của Ấn Độ cổ đại. Ví dụ, trong các trường phái phi Phật giáo, họ cũng có cuộc thảo luận rộng rãi về các cấp độ của việc tập

trung chú ý như các trạng thái kinh nghiệm của cõi trời Vô Sắc[5]. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa thiền Phật giáo và các tôn giáo khác của Ấn Độ cổ đại là thiền Phật giáo căn cứ vào tánh không, nơi có sự hợp nhất của tồn tại tĩnh lặng vĩnh hằng và tuệ giác thâm diệu. Sự hợp nhất này là nguyên nhân tạo nên việc chứng đắc giải thoát khỏi luân hồi và trạng thái giác ngộ hoàn toàn của đức Phật.

[1] Pháp thân (zh. 法身, sa. *dharmakāya*), là thể tính thật sự của Phật, đồng nghĩa với Chân như, là thể của vũ trụ. Pháp thân là thể mà Phật và chúng sinh đều có chung. Pháp thân cũng chính là Pháp (sa. *dharma*), là quy luật vận hành trong vũ trụ, là giáo pháp do đức Phật truyền dạy. Phật xuất hiện trên Trái Đất, với nhân trạng, với mục đích cứu độ con người. Pháp thân được xem chính là Phật pháp (sa. *buddha-dharma*) như Phật Thích-ca giảng dạy trong thời còn tại thế. Sau này người ta mới nói đến hai thân kia. Pháp thân được xem là thường hằng, vô tướng, nhất nguyên, là thể tính chung của các vị Phật, là dạng tồn tại thật sự của chư Phật. Pháp thân có nhiều tên gọi khác nhau, tùy trường hợp sử dụng. Có lúc người ta xem nó là thể tính của mọi sự, là Pháp giới (sa. *dharmadhātu, dharmatā*), là [Chân như](#) (sa. *tathatā, bhūtatathatā*), là tính Không (sa. *śūnyatā*), A-lại-da thức (sa. *ālayavijñāna*), hay xem nó như là Phật, Phật tính (sa. *buddhatā*), là [Như Lai tạng](#) (sa. *tathāgatagarbha*). Trong nhiều trường phái, người ta xem Pháp thân là thể trừu tượng không có nhân trạng, có trường phái khác lại xem Pháp thân hầu như có nhân trạng (xem kinh Nhập Lăng-già,

Từ những vần thơ đến câu kệ

Lê Khắc Thanh Hoài

Có những vần thơ gắn liền với mỗi người từ thuở biết viết, biết đọc cho đến lúc trưởng thành, đi theo suốt cuộc đời, và cũng có thể...cho đến hơi thở cuối cùng.

Những vần thơ hay những câu thơ của những thi sĩ nổi danh mà mình đã thuộc nằm lòng, đã ghi nhớ tận đáy sâu của ký ức, và bỗng một lúc nào đó, ở một tình huống nào đó, một nhân duyên nào đó, tự chúng hiện ra một cách tự nhiên trong dòng tư tưởng, sự nghĩ suy, và bộc ra thành lời nói như là của chính mình và đôi lúc, chỉ nhớ đến vần thơ, câu thơ đó mà cũng không hề nhớ đến tác giả là ai nữa ! Các vần thơ, các câu thơ ấy thực sự đã gắn liền với mình, với đời sống mình, đôi lúc còn được xem như là kim chỉ Nam để giúp mình phản ứng, cư xử trước mọi hoàn cảnh, vui hay buồn, tốt hay xấu đang xảy ra.

Không ai không có những câu thơ này đọng lại trong đầu, trong tâm hồn và sẽ được thốt ra đúng lúc đúng thời, tùy hoàn cảnh, tùy nhân duyên.

Riêng tôi, có những vần thơ, những câu thơ và cả những câu ca dao trong kho tàng văn học của quê hương ta hay những câu thi kệ tìm thấy trong kinh điển Phật Giáo mà chỉ một lần đọc qua đã ghi đậm trong trí nhớ và theo suốt cả cuộc đời. Xin chia sẻ cùng bạn đọc trong bài viết này.

Khi ở tiểu học thì dù có học bao nhiêu bài

học thuộc lòng nhưng rồi tôi chẳng còn ghi nhớ bài nào cả ! Tuổi thơ của tôi thì chỉ ham đàn, hát và múa ! Và những bài hát của tuổi thơ thì nó cũng trong sáng nhẹ nhàng và bay đi theo với những áng mây xanh, cũng nhẹ nhàng như thế mà thôi. Có lẽ tôi đã trưởng thành nơi cái tuổi mười hai vì ở vào chặng tuổi này tôi đã ham mê đọc sách, kể cả sách báo của người lớn và những lời dạy của người lớn thì một lần nghe qua dường như là không thể quên.

Do học với các Ma Sœur ở trường Jeanne D'Arc, mỗi ngày đều có đọc Thánh Kinh và đã sáu chục năm qua nhưng lúc nào tôi vẫn nhớ câu : « Tu aimeras ton prochain comme toi-même » (Thương người khác như thương chính mình) Lời khuyên này thực sự ra rất khó làm ! Nhưng tôi nhận ra ý nghĩa cao quý của nó và thật sự tôn trọng đạo Thiên Chúa. Từ câu kinh này tôi liên tưởng đến lòng Từ Bi trong đạo Phật.

Lại một câu khác đã gây ấn tượng sâu đậm trong tôi : « Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng » Vì học và ở nội trú tại trường, dù là kẻ ngoại đạo, không cùng tôn giáo, không được « rửa tội » nhưng tất cả các học trò đều phải tham dự chung các buổi lễ ở trường, và câu kinh kia cũng tự nhiên ghim vào tim, vào óc tôi cho đến tận bây giờ. Mỗi khi làm chuyện gì, hậu quả không tốt xảy đến, tôi đều nhận trách nhiệm của mình mà không đổ lỗi cho ai cả. Từ câu kinh này tôi lại liên tưởng đến luật nhân quả trong đạo Phật. Tự mình gieo

nhân, tự mình lãnh chịu hậu quả.

Và cũng đang ở trong môi trường thấm nhuần tư tưởng của Thiên Chúa giáo như thế thì đột nhiên một ngày, nhân đọc ở tờ báo văn học, mà câu nói nổi tiếng của đức Phật Thích Ca đã như một tiếng sấm sét đập vào tai tôi : « Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành » Nếu nói theo ngôn ngữ nhà Phật thì lúc ấy tôi như được khai ngộ và trí óc, tâm thức của tôi bừng lên một thứ ánh sáng của sự Giác Ngộ. Tôi chỉ vừa tròn mười hai tuổi. Từ đó ánh sáng Phật Pháp đã hướng dẫn tôi cho đến ngày hôm nay.

Sức mạnh của lời nói, của tư tưởng là điều khó lường, khó nghĩ bàn. Do đó mà biết đọc biết viết quả là một điều hết sức quan trọng. Không có cha mẹ nào mà không muốn cho con mình đi học, đi đến trường lớp, học chữ học nghĩa, dù khó khăn, dù tốn kém cách mấy cũng không từ. Riêng gia đình tôi, thì cha tôi, dù là người của khoa học nhưng rất say mê văn chương thơ phú, tủ sách trong nhà khá lớn và có khá nhiều loại sách quý của văn chương Pháp. Các chị tôi thì lúc bấy giờ đã là những thiếu nữ mười tám, hai mươi nên cũng đọc sách báo rất nhiều và tôi, lúc ấy chỉ lên mười, mười hai cũng được đọc « ké » cho tới khi tôi cũng trở thành một thiếu nữ đến tuổi « cập kê ». Tôi còn nhớ nào Phổ Thông, Văn Nghệ Tiền Phong, Phụ Nữ Diễn Đàn...Ngoài ra còn phải nhắc đến tờ báo Lành Mạnh do cha tôi làm chủ nhiệm mà tôi cũng rất say mê vì ngoài những đề tài về y học còn có những trang thơ văn làm cho tờ báo bớt phần khô khan, thêm phần hấp dẫn. Thuở đó, tôi đã là một độc giả tuy nhỏ tuổi, nhưng rất trung thành với tờ báo Lành Mạnh. Không có một số nào khi cha tôi cầm

về mà tôi bỏ qua. Cũng từ Lành Mạnh mà tôi được biết đến thơ của các thi sĩ như Quách Tấn, Trữ Vũ và cả đến triết gia Phạm Công Thiện mà cuốn sách đầu tiên tôi cầm trong tay, do chính cha tôi đem về nhà và đã trở thành cuốn sách gối đầu của tôi lúc mới lên mười bốn, mười lăm, đó là cuốn « Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ và Triết Học ». Có thể nói những gì đã được đọc từ cuốn sách này cũng đã lay động tâm hồn tôi một cách mãnh liệt như tôi đã từng bắt gặp câu nói của đức Phật Thích Ca !

Khi học xong trung học, cả nhà ngạc nhiên khi tôi ghi tên vào đại học Vạn Hạnh. Mẹ tôi thì thất vọng vô cùng, bà chỉ mong có một đứa con chịu học theo ngành dược để về sau có một cái Pharmacie ! Năm anh chị trước tôi chẳng ai làm theo ý thích của mẹ tôi cả, đến lượt tôi thì bà lại càng thất vọng hơn nữa ! Học Triết, học đạo Phật thì không biết tôi sẽ làm được gì trong đời ?!

Thì ra, tôi tự hiểu, chính câu nói kia của đức Phật đã hướng dẫn tôi và đẩy tôi vào Vạn Hạnh !

Tuy nhận ra con đường là tu hành để thành Phật như câu nói trên xác định, nhưng con đường này rất khó thực hiện và phải trải qua bao khúc quanh, ngã rẽ mà vẫn chưa « lên đường » vẫn còn dậm chân một chỗ, vẫn còn đi lạc lối, vẫn còn mò mẫm trong bóng tối và đôi lúc phải rơi tận hố sâu của khổ đau mới chịu nhớ lại và tìm về con đường.

Và như thế, tôi đã rong chơi ngày tháng dài, khá dài mà quên hẳn con đường thành Phật này để hụp lặn trong dòng đời với bao thăng trầm, bao khó khăn, hạnh phúc thì ít mà đau

khổ thì nhiều.

Con đường rong chơi ngày tháng dài mà những câu thơ đi kèm theo cũng như bóng với hình.

Cái tuổi mộng mơ, mười lăm mười sáu trăng tròn, đôi lúc cũng thường vu vơ hay...vớ vẩn như Xuân Diệu :

*Hôm nay trời nhẹ lên cao
Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn !*

Và khi mới biết yêu thì cứ vang vang trong đầu mấy câu thơ của nhà thơ trữ tình này :

*Yêu là chết trong lòng một ít
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu
Cho rất nhiều mà chẳng nhận bao nhiêu !*

Quả thực sự như thế, tôi không hiểu với người khác thì như thế nào nhưng bản thân tôi, cái cảm giác yêu luôn kèm theo với cái cảm giác khổ đau ! Có lẽ đó là dấu hiệu của sự không may mắn của tôi trong tình trường ?!

Về sau, khi tìm hiểu về đạo Phật, tôi mới hiểu ra lời Phật đã từng dạy : cái cảm giác sung sướng chỉ là cái cảm giác mà ở đó khổ được giảm thiểu, và ngược lại cái cảm giác khổ chỉ là cái cảm giác sung sướng bị mờ nhạt đi. Hạnh phúc hay đau khổ chỉ là cái đầu và cái đuôi của con rắn. Nơi con rắn, có đầu, có đuôi nối nhau, thì nơi hạnh phúc hay đau khổ cũng thế, cả hai đều có mặt, như hai cực âm dương, âm thịnh thì dương suy, dương thịnh thì âm suy, nhưng cả hai đều cùng hiện hữu cùng lúc nơi mọi hiện tượng

ở đời. Bám vào hạnh phúc cũng không bền, vì luật vô thường chi phối, đau khổ tuyệt vọng cũng chẳng ích chi, vì cũng theo dòng chảy của vô thường, đau khổ nào cũng sẽ chấm dứt, đọa địa ngục rồi cũng sẽ có ngày ra. Luật vô thường, sự đổi thay nơi vạn vật vừa tích cực lại vừa tiêu cực. Luôn nhận ra hai mặt nơi mọi hiện tượng, mọi hoàn cảnh, không xấu hoàn toàn mà cũng không tốt hoàn toàn để hướng mình đến cái tâm an nhiên tự tại, thoát ra mọi sự chấp trước, đó là cách mà đạo Phật hóa giải mọi mâu thuẫn trong cuộc sống. Chấp vào Thiện cũng sẽ trở thành cực đoan và trở thành Ác. Nhận ra rằng Thiện và Ác song hành trên đời nhưng không cố chấp. Nương theo Trung Đạo để tránh cực đoan với lời nói ôn hòa, ái ngữ, có thể chuyển hóa được lòng người, thay đổi hoàn cảnh.

Tiếp tục con đường yêu đương của tuổi trẻ. Câu thơ của Hồ Dzếnh lại nghiêm nhiên đi vào lòng và lại được thích thú đón nhận :

Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé

...

*Tình mát vui khi đã vẹn câu thề
Đời chỉ đẹp những khi còn dang dở !*

Quả thật tâm lý con người là phức tạp ! Chỉ muốn tự làm khổ mình và « trầm mình » trong đau khổ, xem đau khổ là một « lạc thú » ! Đúng như Lưu Trọng Lư đã thốt :

*Để chẵn gôi nằm im chỗ cũ
Hãy lịm người trong thú đau thương !*

Thế rồi đau khổ và cô đơn vẫn luôn là cảm

giác được trải nghiệm nhiều hơn cả hạnh phúc, dù muốn dù không.

Ai biết tình ai có đậm đà !

Câu thơ này của Hàn Mặc Tử nói lên nỗi cô đơn ngút ngàn của ông với người con gái xứ Huế cũng bỗng nhiên ghim vào tim mình vào những đêm khuya trăng trở.

Cũng vậy, tự mình lo âu, tự mình khắc khoải để trọn vẹn đồng tình với thi sĩ này :

*Người đi một nửa hồn tôi mất
Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ !*

Tình yêu « vớ vẩn » của tuổi mới lớn thực ra chẳng có chi là khổ. Cái khổ được thơ mộng hóa và « bắt chước » thi nhân mà thôi chứ tuy là nhỏ tuổi mà cũng ...khôn ra phết ! Chẳng dại, chẳng khờ, chẳng đánh mất mình đâu !

Cho đến khi thực sự nếm qua khổ đau mới thấy thấm thía tận tim gan với hai câu thơ của thi sĩ, triết gia Phạm Công Thiện :

*Tôi quì hồn lá mới
Đau khổ trắng linh hồn.*

Bắt đầu trưởng thành trong tình yêu, thực sự chạm mặt với cuộc đời, trải nghiệm khổ đau cả hồn lẫn xác mới hiểu được ba chữ « Trắng linh hồn » này !

Và rồi thời gian vùn vụt trôi qua, hạnh phúc cũng qua nhanh mà đau khổ cũng không ở lại nhưng rồi mình vẫn muốn níu kéo lại mọi thứ :

O Temps suspend ton vol !

(Thời gian ơi, đừng cất cánh bay !)

Lamartine, một nhà thơ lãng mạn Pháp đã thốt lên giùm mình cái sợ hãi của thời gian vùn vụt trôi và sẽ cuốn theo tất cả mọi thứ, hạnh phúc cũng như khổ đau, tuy vậy, thời gian ơi, hãy ngừng trôi !

Bài thơ của Ronsard, thi sĩ Pháp, thế kỷ 16, được học thuở nhỏ, cũng cho mình một nhận thức về sự mong manh của cuộc sống, lớn dần cái cảm giác bất lực trước sức tàn phá của thời gian :

*Mignonne, allons voir si la rose
Qui ce matin avait déclose.*

(Em ơi, hãy cùng xem đóa hồng, sáng nay vừa hé nụ.)

....

*Las ! Voyez comme en peu d'espace
Mignonne, elle a dessus la place
Las ! Las ! Ses beautés laissées choir
Ô vraiment marâtre nature
Puisqu' une telle fleur ne dure
Que du matin jusques au soir !*

(Than ôi ! trông kìa, này em yêu, chỉ mới khoảnh khắc nào khoe sắc hương, mà nay đã tả tơi, phải chăng quá là ác độc hồi Mẹ của thiên nhiên, bởi một kiếp hoa chỉ sớm nở để tối tàn !)

Khi chạm mặt với khổ đau thì những câu thơ buồn rười rượi của Verlaine, một thi sĩ Pháp, tiên phong cho phong trào thơ mới, lại vang

lên trong tâm trí :

*Il pleure dans mon cœur
Comme il pleut dans la ville !*

(Tim tôi khóc nức nở, chẳng khác gì ngoài kia phố xá trời đang mưa !)

Cũng không khác gì với câu thơ của cụ Nguyễn Du trong truyện Kiều :

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ !

Đề rồi mình lại thổn thức với bất cứ một âm thanh nào vang lên, cái gì được nghe thấy đều nhuộm khổ đau của chính mình :

*Les longs sanglots
Des violons
De l'automne
Blessent mon cœur
D'une langueur
Monotone*

(Những tiếng nấc dài, của những cây vĩ cầm vào mùa Thu, làm tim tôi đau nhói, rã rời, đìu hiu đơn điệu...)

Nhưng may thay, với Victor Hugo, nhà đại văn hào Pháp, thế kỷ 19, từng sáng tác nhiều thể loại, tiểu thuyết, kịch và thơ, mình lại tìm được niềm vui, sức sống với trẻ con, tạm quên đi những nặng nề của tâm tư :

*Lorsque l'enfant paraît, le cercle de la famille
Applaudit à grands cris...*

(Khi trẻ con vừa xuất hiện, là cả nhà vỗ tay mừng reo...) ...

*Quand l'enfant vient, la joie arrive et nous éclaire
On rit, on se récrie, on l'appelle...*

(Khi trẻ con vừa đến, là niềm vui cũng đến và làm cho ta choáng ngợp. Ta cười, ta lại cất tiếng gọi nhau, ta mời gọi trẻ con ...)

Nhưng rồi trẻ thơ cũng phải lớn và ta cũng phải già !

Trải qua những bất trắc của cuộc đời, thời niên thiếu đã qua nhanh, trên vai đã gánh nhiều trách nhiệm, có những lúc, những nơi mà tưởng như tuyệt vọng, đau khổ cùng cực thì lại có những câu thơ đem lại hi vọng và niềm lạc quan, giúp sức mạnh để tiến tới, hướng về tương lai :

*Son cùng thủy tận nghi vô lộ
Liều ám hoa minh hựu nhất thôn*

Bài thơ Đường của thi nhân Lục Du đời Tống, quả đã khơi dậy niềm tin nơi con người. Tưởng đã rơi vào đường cùng, không có lối thoát, không đường ra, không giải pháp thế mà bất ngờ « một thôn xóm liễu xanh tươi, hoa rực rỡ » hiện ra trước mắt !

Tương tự như thế, thiền sư Mãn Giác của Việt Nam ta cũng có câu thơ thật đáng nhớ nằm lòng để giữ mãi niềm tin và lạc quan :

*Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.*

Ôi ! Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết rồi ! Nhìn kia : Đêm qua sân trước một cành mai !

Nỗi buồn xuân tàn hoa rụng và nỗi mừng vui, kinh ngạc khi tìm thấy một cành mai còn đầu đó ! Vậy thì cứ nhìn đời cũng như thế, đau khổ, tuyệt vọng làm chi, có thể hạnh phúc đang chờ ở một góc nào đó, rồi sẽ bắt gặp thôi !

Đau khổ trong cuộc sống cũng thường đi kèm với sự bất mãn, phẫn nộ mà nhà Phật gọi là Sân. Khi tức giận, không bằng lòng, nổi nóng, là khi đó có Sân và có cả Hận. Nhưng khi nhớ lời Phật dạy ở nơi Kinh Pháp Cú :

*Hận thù diệt hận thù
Đời này không thể có
Từ bi diệt hận thù
Là định luật thiên thu.*

Thì bỗng nhiên lúc đó, lửa sân hận tự nhiên được dập tắt, không còn la hét, mắng chửi, thóa mạ hay đánh đập, hành hung gì được cả !

Cũng vậy, ngăn chặn được tâm nóng giận, hành động sai trái nhờ nghe đi nghe lại, lập đi lập lại trong đầu :

*Chớ làm các điều ác
Hãy làm các hạnh lành
Giữ tâm ý trong sạch
Đấy chính lời Phật dạy.*

Bình thường, ai làm điều xấu ác với mình, thì mình đau khổ, khó lòng nguôi ngoai, nhưng cứ tâm niệm và đọc tụng lời Phật dạy thì tự nhiên đau khổ cũng tự hóa giải :

*Nó mắng tôi, đánh tôi
Nó hại tôi, cướp tôi*

*Ai ôm ấp niệm ấy
Hận thù không thể nguôi.*

*Nó mắng tôi, đánh tôi
Nó hại tôi, cướp tôi
Không ôm ấp niệm ấy
Hận thù sẽ tự nguôi.*

Nhờ khổ đau, nhờ gặp bất trắc trong đường đời, tự dung những năm tháng rong ruổi chôn bụi trần lại đưa tôi về gần với con đường đã được khai ngộ vào cái tuổi mười hai « Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành »

Phật ở đây nên được hiểu là con người tỉnh thức, thấy được sự thật của mọi hiện tượng ở đời đều theo một định luật vô thường, thay đổi biến hoại triền miên, có nhân có quả, có nhân có duyên, có sanh có diệt, nếu bám vào những gì mà bản thân mình không thể làm chủ thì chỉ hoài công vô ích và chỉ gây thêm khổ đau. Sống buông xả mọi tham muốn, đứng trước vô thường vẫn thản nhiên, có sanh thì có tử, có trẻ đẹp thì có già nua, bệnh tật, đứng trước nghiệp quả phải hứng chịu, chẳng qua do chính mình đã tạo nhân, thì bình tĩnh chấp nhận không đổ thừa, không than van, và sáng suốt không tạo thêm nhân xấu làm duyên cho quả xấu nữa.

Phật không phải là đáng tạo hóa hay toàn năng gì cả. Phật chính là người đã làm chủ được những gì xem như không thể làm chủ được. Sự sống sẽ vụt khỏi vòng tay nắm giữ, níu kéo của con người. Hạnh phúc hay khổ đau cũng như tiền tài hay danh vọng, tài sản dù vật chất hay tinh thần cũng không một ai có thể giữ chặt mãi để mọi sự tồn tại vĩnh cửu trên đời. Phật là thấy rõ điều này nên

chấm dứt tham muốn. Dừng lại. Không đeo đuổi, chạy theo bất cứ gì. Ngoài sự kiểm soát tâm mình. Thanh tịnh hóa tâm mình. Làm chủ tâm mình. Vượt ra ngoài sự kiểm tỏa của ảo ảnh, của cái Tôi bất diệt, gây ra vô lượng trở ngại, khổ đau. Phật là người tự mình cởi bỏ, giải thoát khỏi cái Tôi nhỏ bé này. Chỉ là giản dị như thế.

Nhưng con đường đi đến thành Phật không giản dị mà cam go !

Từ những vần thơ thuở niên thiếu cho đến những bài thi kệ của Phật, con đường thật dài, quanh co và khúc khuỷu !

Lê Khắc Thanh Hoài

Paris, mùng 8 tháng sáu, 2017

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Chiếc Áo Kỳ Diệu

Ngày xưa có một vị hoàng đế thích quần áo mới đến nỗi suốt ngày Ngài chỉ làm một việc duy nhất là thay quần áo mới. Ngài chẳng ngó ngang gì đến binh sĩ, triều chính. Người ta thường nói: “Hoàng đế đang lâm triều” nhưng đối với vị vua này người ta phải nói “Hoàng đế đang mặc quần áo.”

Một hôm có hai người lạ đến hoàng cung, tự xưng là thợ dệt và khoe rằng: Họ có thể dệt ra thứ vải tuyệt đẹp, quần áo may bằng thứ vải ấy có một đặc tính kỳ lạ. Ai không làm tròn bốn phận hoặc ngu xuẩn thì không thể nhìn thấy quần áo, dù đứng rất gần. Hoàng đế tự nhủ: “Đây mới là bộ quần áo quý nhất. Ta chỉ cần mặc vào là biết ngay trong đám

quan lại của ta đứa nào không làm tròn bốn phận. Ta phải may một bộ mới được.”

Hai người lạ bày ra hai khung cửi rồi ngồi vào làm như đang dệt thật, nhưng tuyệt nhiên trên khung chẳng có gì. Họ đòi bằng được thứ sợi tơ đẹp nhất, thứ vàng quý nhất, đem bỏ túi, rồi giả vờ làm việc trên khung cửi rỗng tuếch. Hoàng đế nóng lòng muốn đến xem họ làm việc nhưng lại nhớ đến đặc tính kỳ lạ của thứ vải ấy, tự nhiên Ngài đắm ngại. Ngài bèn sai quan thừa tướng đến xem.

Quan thừa tướng vừa gương to đôi mắt tự nhủ: “Lạy Chúa! Ta chẳng nhìn thấy gì cả.” Nhưng may mà ngài nén lại được, không nói ra điều ấy. Hai người lạ đến gần và hỏi ngài xem vải có đẹp không?

- Thật là tuyệt! Hoa văn màu sắc không thứ vải nào sánh nổi.

Quan tể tướng trả lời nhưng trong bụng lo ngay ngáy. Họ bắt đầu ngờ mình trở nên ngu ngốc và trăn nãi với công việc.

Hai người lạ lợi dụng dịp may lại kỳ kèo xin thêm vàng để thiếu vào vải. Họ lại thủ vàng vào túi và say sưa làm việc trên khung cửi rỗng không.

Chẳng bao lâu hoàng đế lại cử một viên đại thần khác đến xem vải. Hai người này chỉ vào tấm vải tưởng tượng và chứng minh cho quan đại thần đây là tấm vải không đâu có. Quan đại thần tự nhủ: “Mình đâu phải là thằng ngu hay là mình không làm tròn phận sự. Dầu sao cứ giấu biến đi là hơn cả.” Nghĩ vậy, ngài bèn vờ ngắm nghía và quả quyết với hai người kia là ngài “chưa thấy vải nào đẹp bằng, và cũng như quan thừa tướng lần trước, ngài lại trở về và kính cẩn tâu với hoàng đế: “Muôn tâu bệ hạ, không có gì đẹp bằng.”

Khấp kinh thành nô nức bàn tán về thứ vải kỳ lạ ấy.

(Xem tiếp trang 31)

KHÁI QUÁT THIỀN PHÁI TÀO KHÊ TẠI HÀN QUỐC

Thích Ngô Trí Viên



Chùa Tào Khê ở Hàn Quốc

Lược sử hình thành

Tông phái Tào Khê (Joyge Order), hay còn gọi là Tào Động, là tông phái lớn nhất của Phật giáo Hàn Quốc hiện nay với 1.700 chùa và 13.000 Tăng – Ni.

Tào Khê có nhiều chi phái, được truyền từ Trung Quốc vào bán đảo Triều Tiên bởi Đại

sư Doui (Đạo Nghi) và các thiền sư Trung Hoa khác truyền vào Đại Hàn cách đây 12 thế kỉ, trong triều đại Tân La Thống Nhất (Unified Silla).

Tên của thiền phái lấy từ tên ngọn núi liên quan đến Lục tổ Huệ Năng (638 – 713) của Trung Quốc.

Năm 826, Cửu Sơn Thiền (Nine Mountain of Seon) đã được gọi bằng cái tên Jogye-jong (Tào Khê Tông), và tất cả những thay đổi ấy chỉ là phương tiện trong sự phát triển quốc gia suốt triều đại Silla Thống Nhất và các triều đại sau đó.

Suốt vương triều Goryeo (Cao Ly), các thiền sư Bojo Jinul (Phổ Chiêu Tri Nột) và Taego Bou (Thái Cổ Trí Ngu) đã lãnh đạo các sinh hoạt của dòng Thiền chính thống này.

Như vậy, tông phái Jogye đã được thành lập như là một tông phái Thiềntiêu biểu trước khi có sự ngược đãi của Vương triều Triều Tiên (Joseon Dynasty).

Những bước thăng trầm

Qua thời gian truyền bá, thiền và các giáo phái khác phát triển vì chư Tăng Đại Hàn sau khi du học về đều khai triển tông môn. Năm 1346, ngài Thái Cổ Trí Ngu (1301 – 1382) từ Trung Quốc trở về nước kết hợp các thiền phái thành Tào Khê tông. Dưới thời Tân La Thống Nhất và Koryo, Phật giáo phát triển mạnh mẽ. Nhưng vào thời nhà Lý (1392 – 1910), Phật giáo bị bức bách, hàng Tăng sĩ bị xếp vào giai cấp thấp nhất trong xã hội Đại Hàn. Tăng – Ni không được cư trú và hành đạo trong thành phố, bị cưỡng ép làm lao công.

Dưới thời đô hộ Nhật (1910 – 1945), chư Tăng nếu muốn hành lễ tại các ngôi chùa phải lập gia đình, xóa bỏ truyền thống tịnh hạnh. Chỉ sau khi Đại Hàn được giải phóng, Phật giáo truyền thống mới có cơ hội phục hưng.

Sự cố gắng trong thời kỳ khó khăn

Mặc dù suốt gần 5 thế kỷ, Phật giáo bị chèn ép bởi sự thiên vị Khổng giáo, nhưng trong triều đại vua Sejong (Lý Thế Tông, 1418 - 1450) của Vương triều Joseon, đã có 02 tông phái được thành lập: một tông thì thống nhất các trường phái kinh văn; một tông thì hợp nhất các tông phái Thiền.

Cả hai tông phái này sau đó đã tạm thời bị giải thể dưới triều đại vua Yonsangun (Yến Sơn Quân, 1494 – 1506) - kết quả của chính sách đại ngược đãi Phật giáo.

Trong thời kỳ quân phiệt Hideyoshi (Phong Thần Tú Cát) xâm lược Triều Tiên cuối thế kỷ XV, hai đại sư Seosan (Thế Tĩnh) và Samyeong (Duy Chính) đã ủng hộ quân đội bảo vệ tổ quốc, nên cải thiện được tình hình Phật giáo trong một thời gian.

Tuy nhiên, phong trào này cũng không tồn tại cho đến khi mà giới tu sĩ được tái chấp nhận tại các thành thị trong các cuộc cải cách chính trị năm 1895.

Sau đó, vào năm 1899, dưới sự lãnh đạo của thiền sư Gyeongheo (Kính Hư, 1849-1912), chư Tăng chùa Haeinsa (Hải Ấn Tự) đã kiến nghị khôi phục các giá trị truyền thống và nền tảng triết lý để chấn hưng các tông phái Phật giáo. Sau đó, tông phái Wonjong (Nguyên Tông) và Imjejong (Lâm Tế Tông) được thành lập với những nỗ lực nhằm làm hồi sinh các trường phái kinh văn và tái thiết lập các Phật sự trong các thành thị, nhưng phong trào này ngay sau đó đã bị cấm hoạt động khi quân phiệt Nhật Hoàng cường chiếm Triều Tiên năm 1910.

Lãnh đạo các chiến sĩ đấu tranh bảo vệ tự do

chống lại sự chiếm đóng của các lực lượng ngoại bang, có cả các Tăng sĩ nổi tiếng như: thiền sư Yongsong và Manhae, và kết quả của các nỗ lực liên tục ấy chỉ giúp giữ cho truyền thống Phật giáo Hàn Quốc không bị tiêu vong.

Năm 1921, Trung tâm thiền Sonhakwon Seon được thành lập.

Năm 1929, một hội nghị Tăng, Ni Phật giáo Triều Tiên được tổ chức.

Năm 1937, một hoạt động nhằm kiến thiết một Tổ Đình cho tông phái Jogye được khởi sự. Và kết quả của hoạt động này là đã kiến tạo được một Đại Hùng Bảo Điện tại Tổ đình Jogyesa (Tào Khê Tự) ở thủ đô Seoul năm 1938.

Cuối cùng, vào năm 1941, tông phái Jogye của Phật giáo Triều Tiên, - một tông phái biệt lập của Hàn Quốc - được thành lập, thoát ly sự ảnh hưởng của người Nhật. Đây là một tông phái Phật giáo hợp pháp đầu tiên trong xã hội Hàn Quốc hiện đại và là tiền thân của tông phái Jogye của Phật giáo Hàn Quốc ngày nay.

Sau khi Triều Tiên thoát khỏi sự đô hộ của Nhật Bản năm 1945, các thiền sư - những người đã duy trì và áp dụng các giá trị truyền thống Hàn Quốc, - đã bắt đầu phát động phong trào thanh tịnh hóa để tái thành lập các tông phái truyền thống cho các Tăng sĩ không lập gia đình, và lấy lại các ngôi chùa do các tăng sĩ lập gia đình quản lý vốn là tàn dư của thời kỳ quân phiệt Nhật Hoàng cường chiếm.

Kết quả, vào năm 1955, tông phái Jogye (Tông Tào Khê) được thành lập làm trung

tâm quy hướng cho các Tăng sĩ đồng chân xuất gia. Tuy nhiên, do kết quả của sự hòa giải giữa chính phủ và các bậc trưởng lão, các tăng sĩ vốn đã lập gia đình cũng có trong tông phái này.

Ngày 11/4/1962, Tông phái Jogye của Phật giáo Hàn Quốc đã chính thức thành lập với 03 mục đích chính: (i). đào tạo và giáo dục, (ii). dịch thuật các kinh điển từ Hán ngữ sang Hàn ngữ, (iii). hoằng pháp lợi sinh. Ba mục đích chính yếu này liên tục là kim chỉ nam suốt từ khi thành lập đến ngày nay.

Từ năm 1947 đến 1949, Tăng đoàn chùa Bongamsa đã phát động một phong trào ủng hộ “Sống theo tinh thần giáo lý đức Phật”. Phong trào này đã là nhân duyên để thiết lập những nguyên lý và truyền thống căn bản cũng như công nhận các nghi thức tế lễ của tông phái.

Hiện nay, thiền phái Tào Khê hợp tác với các tổ chức Phật giáo điều hành hệ thống truyền thanh, truyền hình. Đồng thời, thiền phái còn xuất bản tuần báo *Pulgyo Shinmub*.

Các nguyên lý và tổ chức

Tông phái Jogye lấy giáo lý đức Phật làm cơ sở lý luận và làm các nguyên lý thiền học chính thống được truyền thừa từ chư Tổ của chính tông phái mình để giác ngộ Phật tính và để hoằng dương Phật pháp.

Tôn chỉ của tông phái này dựa vào kinh Kim Cương. Thông qua sự nghiên cứu của kinh này, tông phái Jogye xem nó như là kim chỉ nam trong việc tu học và hành trì, và gộp cả hai việc ấy làm thành một chương trình tu tập quan trọng nhất, vốn được biết đến một

cách rộng rãi là Thiền Hwadu (Thiền Thoại Đầu).

Tông phái Jogye có thanh quy riêng của mình dựa vào Pháp và giới luật Phật chế. Hiến chương đã công bố tại hội nghị Tăng già năm 1929 vẫn còn tồn tại như là một khuôn mẫu để từ đó cho ra đời bản thanh quy ngày nay vào ngày 10/4/ 1994.

Hệ thống tổ chức của Tông phái Joyge gồm:

- Trưởng Tông phái, hay Lãnh đạo Tinh thần, là bậc trưởng lão có uy tín cao nhất được truyền thừa trong truyền thống tông phái.
- Một Chủ tịch phụ trách các Phật sự của tông phái ở hải ngoại.
- Một Chủ tịch Hội đồng Trị sự, phụ trách các ban: Ban Quản trị Tổ đình, Ban Giáo dục, Ban Hoằng pháp, Ban Tăng sự v.v.

Theo số liệu thống kê của chính phủ, 53.9% dân số Hàn Quốc là tín đồ của các tôn giáo như: Phật giáo, Tin Lành giáo, và Công giáo La Mã. Trong số này, khoảng 12 triệu hay 47% là tín đồ Phật giáo. Hiện tại có 25 tông phái thuộc Hội các Tông phái Phật giáo Hàn Quốc. Trong số 25 tông phái đó, tông phái Jogye là lớn nhất.

Có 3.000 tự viện và trung tâm Phật giáo tọa lạc trong 25 quận hạt khắp cả nước. Trong số 870 ngôi chùa truyền thống ở Hàn Quốc được chính phủ công nhận, bảo tồn và ủng hộ, thì có đến 840 ngôi chùa chiếm 90% trong số ấy thuộc về tông phái Jogye; và có hơn 65% trong số những ngôi chùa mà chính phủ công nhận này là Di tích Lịch sử Quốc gia và Địa phương.

Tông phái này tổng cộng có 90 thiền viện và hơn 2.000 tỷ-kheo trong tổng số 12.000 Tăng - Ni đã thọ giới tham dự các khóa an cư kiết hạ và kiết đông trong các thiền viện này. Có khoảng 1.500 tu sĩ tu học trong 17 trường đại học do các tông phái Jogye quản lý điều hành.

Tông phái Jogye cũng có các chương trình giáo dục mở rộng dành cho các cư sĩ. Mỗi chùa đều có các chương trình tu học giáo lý và các nam nữ cư sĩ Phật tử đóng vai trò quan trọng trong các sinh hoạt hàng ngày và trong công tác quản lý, điều hành, và đời sống tự viện nói chung.

Ngoài ra, còn có các khóa tu dành cho các thanh niên nam nữ và thế hệ cao niên khác. Sự tiến cúng và tham gia của các cư sĩ là điều hoàn thiết yếu đối với tự viện và tông phái, bởi vì sự dâng hiến ấy của họ trong tự viện là để tu tập và hoằng pháp lợi sinh.

Tài liệu tham khảo:

1. Trần Quang Thuận (2008)., *Phật giáo Đại Hàn.*, Hà Nội: NXB Tôn giáo.
2. Thích Minh Trí (28/8/2008)., *Vài nét về Tông phái Tào Khê (Jogye Order) của Phật giáo Hàn Quốc.*, Truy xuất từ <https://goo.gl/DWbeKW>
3. Admin (6/4/2018)., *Hàn Quốc: TT. Thích Nhật Từ thăm và làm việc tại trụ sở Tông phái Thái Cổ tại Seoul.*, Truy xuất từ <https://goo.gl/Hyx6Y2>
4. Tuyết Lan (3/5/2018)., *Đôi nét về lịch sử Phật giáo Hàn Quốc.*, Truy xuất từ <https://goo.gl/UW6Fvx>

5. Vân Tuyền (6/10/2017)., *Khái quát lịch sử Phật giáo Hàn Quốc.*, Truy xuất từ <https://goo.gl/QiCtLY>

6. Lương Phan Hồng Ngọc (4/9/2016)., *Phật giáo trong xã hội Hàn Quốc hiện đại.*, Truy xuất từ <https://goo.gl/VZeFCa>

Chiếc Áo Kỳ Diệu (Tiếp theo trang 26)

Không thể dẫn lòng được, hoàng đế đành phải đến xem vải. Ngài không quên dắt theo một kẻ nịnh thần. “Quái ta chẳng nhìn thấy gì cả. Chẳng lẽ một vị hoàng đế lại ngu ư?” Ngài bèn gật đầu lia lịa: “Đẹp lắm! Đẹp lắm!” Ngài ra về hài lòng ngấm nghĩa hai chiếc khung cửi, không dám thú nhận là chẳng nhìn thấy gì.

Lũ nịnh thần suýt soa phụ họa: “Thật là tuyệt vời!” Và chúng khuyên hoàng đế nên mặc bộ quần áo vô song đó trong ngày lễ rước thần sắp tới.

Hoàng đế ban cho hai thợ dệt mỗi người một tấm bội tinh với danh hiệu “thợ dệt của nhà vua”. Suốt hôm trước ngày lễ rước thần, hai thợ dệt ngồi làm việc “cật lực dưới ánh sáng mười sáu ngọn đèn.” Họ cắt may, khâu, đính suốt đêm... Cuối cùng bộ quần áo coi như may xong, kịp cho ngày lễ rước thần. Hoàng đế và các vị đại thần tới. Hai ông thợ dệt của nhà vua vờ giơ tay lên trời nâng vật gì và tâu:

- Đây là quần, còn đây là áo thưa bệ hạ, quần áo này nhẹ như mạng nhện, mặc vào mà tưởng như không và đây cũng là một trong những đặc tính quý báu của thứ vải này.

- Đúng đấy ạ!

Bọn nịnh thần phụ họa, tuy chẳng đưa nào thấy gì.

Hai ông thợ may lại nói:

- Muôn tâu thánh thượng, cúi in Ngài cởi quần áo ra và đứng trước gương lớn, chúng thần xin mặc quần áo mới cho bệ hạ.

Hoàng đế cởi sạch quần áo, hai ông thợ dệt của nhà vua làm bộ như mặc từng cái quần, cái áo mới vào người hoàng đế, rồi quàng tay quanh thân Ngài như khoác đai lưng. Hoàng đế quay đi quay lại ngấm nghĩa trước gương. Bọn nịnh thần đồng thanh hô to:

- Trời! Bộ quần áo sao mà đẹp quá chừng!

Quan trưởng lễ báo tin:

- Long tâu đã đến chờ hoàng thượng đi rước thần.

Nhà vua đáp: “Ta đã sẵn sàng.”

Rồi ngài lại nhìn vào gương mà ngấm nghĩa Các quan thị vệ có nhiệm vụ đỡ đuôi áo, thò tay sát đất giả đồ như cầm vật gì đó, rồi vừa đi vừa đỡ cái vật vô hình ấy trên không, chẳng dám nói là mình không nhìn thấy gì.

Ngoài phố mọi người cũng trầm trồ khen ngợi bộ quần áo mới của hoàng đế vì không ai muốn mang tiếng là ngu xuẩn hoặc không làm tròn trách nhiệm. Nhưng rồi, từ một góc nào đó, một đứa bé thốt lên:

- Kìa! Hoàng đế cởi truồng kìa!

Mọi người chung quanh đều nghe rõ câu nói của cu Tèo, nhưng ai cũng giả bộ như chẳng nghe. Chỉ biết là đương không đức vua truyền lệnh quay về lập tức. Có lẽ Ngài cảm thấy choáng váng, một chiếc kiệu vàng được vờ đến, bốn chiếc rèm ngọc được buông xuống và đoàn quân nhạc cất cao bản “hồi cung.”

PC: Cái bản ngã của mỗi người chúng ta có lẽ cũng huyền ảo và kỳ diệu như chiếc áo của đức vua này chẳng?

Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

Phật Học Inc
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252

TO:

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368